

DANH SÁCH ỨNG VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO DỤC MẦM NON NĂM 2019

STT	Mã số hồ sơ	Họ	Tên	Năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú/ Tạm trú	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Văn bằng cao nhất	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Trình độ đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ													
1	Q5.MN.001	Trần Hương	Giang		18/09/1985	Kinh	Số 8. Nguyễn Biểu, P1, Quận 5	CD	VLVH	GDMN	Anh B	Tin B		CD	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Mầm non 1	
2	Q5.MN.033	Đỗ Thị Thanh	Huyền		14/07/1997	Kinh	Lương Cang 2, Nhơn Sơn, Ninh Sơn, Ninh Thuận	CD	CQ	GDMN	Anh B	ƯDCB		CD	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Mầm non 1	
3	Q5.MN.008	Tạ Thị Thảo	Trình		17/09/1996	Kinh	272 Xóm Dừa, Quách Phẩm Đàm Dơi, Cà Mau	TC	CQ	SP MN	Anh B	Tin B		TC	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Mầm non 3	
4	Q5.MN.016	Nguyễn Hải	Yến		06/06/1996	Kinh	Ấp Bả Luông, X.Thuận Nghĩa Hòa, H.Thạnh Hóa, LA	ĐH	VLVH	GDMN	Anh B	ƯDCB		ĐH	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Mầm non 3	
5	Q5.MN.017	Nguyễn Thị Xuân	Thảo		28/02/1997	Kinh	Ấp Tân Hưng, X.Khánh Thạnh Tân, H.Mô cày Bắc, Bến Tre	ĐH	CQ	GDMN	Anh B	ƯDCB		ĐH	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Mầm non 3	
6	Q5.MN.022	Vũ Thị Quỳnh	Hương		11/10/1997	Kinh	181/5 An Bình, phường 7, quận 5	ĐH	VLVH	GDMN	Anh B	ƯDCB		ĐH	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Mầm non 3	
7	Q5.MN.023	Lương Thị Thủy	Bình		03/11/1993	Kinh	63a Lê Trọng Tấn, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú	CD	CQ	GDMN	Anh B	Tin B		ĐH	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Mầm non 3	
8	Q5.MN.036	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên		14/12/1995	Kinh	101A-Nhánh Cầu Tân Thuận 2-Tân Thuận Tây-Quận 7	ĐH	CQ	GD MN	Anh B	ƯDCB		ĐH	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Mầm non 3	
9	Q5.MN.039	Bùi Thị Hồng	Liên		12/07/1997	Kinh	Đức Phú, Phố Đức, Quảng Ngãi	CD	CQ	GDMN	Anh B	ƯDCB		CD	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Mầm non 3	
10	Q5.MN.041	Nguyễn Thị Mộng	Tiên		17/05/1996	Kinh	215 ấp 4, xã Tân Lợi Thạnh, Giồng Trôm, Bến Tre	TC	CQ	SP MN	Anh B	ƯDCB		TC	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Mầm non 3	

STT	Mã số hồ sơ	Họ	Tên	Năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú/ Tạm trú	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Văn bằng cao nhất	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ													
11	Q5.MN.049	Phan Nguyễn Hoài	Thảo		31/07/1991	Kinh	Tổ 5, ấp Tân Đông, Tân Hưng, Tân Châu, Tây Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Anh B	Tin A		ĐH	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Mầm non 3	
12	Q5.MN.021	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên		27/10/1996	Kinh	70 Ấp Thạnh Hòa, xã Thạnh An, Cần Giờ	ĐH	VLVH	GDMN	Anh B	UĐCB		ĐH	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Mầm non 6	
13	Q5.MN.045	Nguyễn Thị	Nga		07/06/1985	Kinh	329/1/5 Nguyễn Tiểu La, phường 8, quận 10	CĐ	VLVH	GDMN	Anh B	UĐCB		CĐ	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Mầm non 6	
14	Q5.MN.047	Từ Minh	Thảo		02/09/1979	Kinh	2385/74/5/8 Phạm Thế Hiển, phường 6, quận 8	CĐ	VLVH	GDMN	Anh B	Tin A		CĐ	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Mầm non 6	
15	Q5.MN.048	Nguyễn Thị Ngọc	Diệu		10/02/1979	Kinh	57-59 Vạn Kiếp, phường 13, quận 5	ĐH	VLVH	GDMN	Anh B	Tin A		ĐH	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Mầm non 6	
16	Q5.MN.010	Nguyễn Ánh	Phụng		06/01/1992	Hoa	136/42/M Hậu Giang, P.6 Quận 6	CĐ	VLVH	SP MN	Anh B	UĐCB		CĐ	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Mầm non 10	
17	Q5.MN.043	Trần Thị Bích	Trâm		13/01/1997	Kinh	ấp Bình Nhứt, Thành Công, Gò Công Tây, Tiền Giang	TC	CQ	SP MN	Anh B	UĐCB		TC	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Mầm non 10	
18	Q5.MN.003	Nguyễn Thị Thanh	Nhã		25/06/1996	Kinh	116.Bến Phú Lâm, P.9, Quận 6	ĐH	CQ	GDMN	Anh B	UĐCB		ĐH	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Mầm non 11	
19	Q5.MN.025	Trần Ngọc	Kim		27/04/1994	Hoa	61/69 Trần Văn Quang, phường 10, quận Tân Bình	TC	CQ	SPMN	Anh B	UĐCB		TC	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Mầm non 11	
20	Q5.MN.027	Đặng Thị Ngọc	Trang		06/12/1995	Kinh	285/101/43 CMT8, phường 12, quận 10	CĐ	VLVH	GDMN	Anh ToEic 395	UĐCB		CĐ	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Mầm non 12	
21	Q5.MN.006	Nguyễn Thị Tuyết	Mai		09/03/1991	Kinh	Ấp 1A, Xã Tân Trạch, Cần Đước, Long An	CĐ	CQ	GDMN	Anh B	UĐCB		CĐ	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Mầm non 13	
22	Q5.MN.013	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm		05/11/1995	Kinh	1006C. Ụ Cây, P.10, Q.8	CĐ	VLVH	GDMN	Anh B	UĐCB		CĐ	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Mầm non 13	

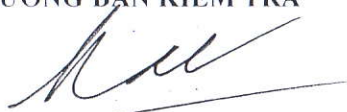
STT	Mã số hồ sơ	Họ	Tên	Năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú/ Tạm trú	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Văn bằng cao nhất	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ													
23	Q5.MN.026	Vũ Đỗ Thu	Trang		28/11/1996	Kinh	66/16F Lê Hồng Phong, phường 2, quận 5	ĐH	CQ	GDMN	Anh B	UĐCB		ĐH	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Mầm non 13	
24	Q5.MN.052	Lý Thị Hồng	Vân		17/08/1996	Kinh	20/2A đường 77, Tân Quy, quận 7	TC	CQ	SP MN	Anh B	UĐCB		TC	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Mầm non 13	
25	Q5.MN.004	Phan Thị Mỹ	Nhung		20/08/1994	Kinh	39/46, Hưng Phú, phường 10, quận 8	ĐH	TX	GDMN	Anh B	Tin A		ĐH	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Mầm non 14B	
26	Q5.MN.028	Ngô Hồng	Lan		16/02/1977	Kinh	71/61/3C Bùi Minh Trục, phường 6, quận 8	CD	VLVH	GDMN	Anh B	Tin B		CD	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Mầm non 14B	
27	Q5.MN.034	Nguyễn Thị Thu	Sương		09/04/1989	Kinh	Lợi An, Đồng Thạnh, Gò Công Tây, Tiền Giang	CD	VLVH	GDMN	Anh B	Tin A		CD	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Mầm non 14B	
28	Q5.MN.009	Nguyễn Hải	Yến		22/02/1994	Kinh	F11/23B, Tổ 11, Ấp 6 Lê Minh Xuân, Bình Chánh	ĐH	CQ	SP MN	Anh B	Tin B		ĐH	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Họa mi 3	
29	Q5.MN.015	Lưu Minh	Yến		01/10/1997	Kinh	62/78/7 Lâm Văn Bền, Tân Kiểng, Quận 7	ĐH	VLVH	GDMN	Anh B	UĐCB		ĐH	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Họa mi 3	
30	Q5.MN.019	Thái Thị Tuyết	Linh		14/02/1994	Kinh	265.5A, TT Giồng Trôm H.Giồng Trôm, Bến Tre	TC	CQ	SP MN	Anh B	UĐCB		TC	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Họa mi 3	
31	Q5.MN.020	Lê Thị Cẩm	Tiến		01/10/1996	Kinh	529, Tổ 19, Ấp 3, X.Phú An H.Cai Lậy, Tiền Giang	ĐH	CQ	GDMN	Anh B	UĐCB		ĐH	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Họa mi 3	
32	Q5.MN.030	Huỳnh Thị Tiến	Vang		01/12/1995	Kinh	67A, KP Hiệp Nghĩa P.Hiệp Ninh, TP.Tây Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Anh B	Tin A		ĐH	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Họa mi 3	
33	Q5.MN.031	Mai Ngọc Đoan	Trang		08/07/1995	Kinh	571/17 Nguyễn Văn Dừng, Phường 6, Quận 5	CD	VLVH	GDMN	Anh B	UĐCB		CD	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Họa mi 3	
34	Q5.MN.035	Nguyễn Thị Kim	Yến		01/01/1991	Kinh	D12/358, ấp 4, Tân Nhựt, Bình Chánh	TC	VLVH	SP MN	Anh B	Tin A		TC	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Họa mi 3	

STT	Mã số hồ sơ	Họ	Tên	Năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú/ Tạm trú	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Văn bằng cao nhất	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ													
35	Q5.MN.037	Nguyễn Thị Yến	Nhi		15/03/1997	Kinh	Tân Thành, Hàm Thuận Nam, Bình Thuận	ĐH	CQ	GDMN	Anh B	ƯDCB		ĐH	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Họa mi 3	
36	Q5.MN.038	Nguyễn Thị Thu	Linh		26/09/1995	Kinh	113H/73B Hoài Thanh, phường 14, quận 8	TÇ	CQ	SP MN	Anh B	Tin A		TC	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Họa mi 3	
37	Q5.MN.040	Trần Thị Hồng	Nhung		30/05/1983	Kinh	551/30E/5 Phạm Văn Chí, phường 7, quận 6	CD	VLVH	GDMN	Anh B	Tin A		CD	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Họa mi 3	
38	Q5.MN.042	Nguyễn Lan	Phương		06/11/1995	Kinh	Tổ 7, khu phố Kiên Tân, Kiên Lương, Kiên Giang	ĐH	CQ	GD MN	Anh B	Tin A		ĐH	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Họa mi 3	
39	Q5.MN.044	Nguyễn Thị Bé	Ngoan		23/02/1997	Kinh	ấp Hòa Hiệp, Trung Thành Tây, Vũng Liêm, vịnh Long	CD	CQ	GDMN	Anh C	ƯDCB		CD	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Họa mi 3	
40	Q5.MN.050	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên		13/05/1996	Kinh	Tân Hương, Châu Thành, Tiền Giang	ĐH	CQ	GDMN	Anh ToEic 350	ƯDCB		ĐH	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Họa mi 3	
41	Q5.MN.051	Phạm Thùy	Linh		15/03/1994	Kinh	Tân Hà, Lâm Hà, Lâm Đồng	ĐH	CQ	GDMN	Anh B1	ƯDCB		ĐH	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Họa mi 3	
42	Q5.MN.002	Lâm Thanh	Hậu		18/02/1977	Kinh	170.Lý Tự Trọng, P.Bến Thành, Q1	CD	VLVH	GDMN	Anh B	Tin B		CD	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Sơn Ca	
43	Q5.MN.007	Trần Thị Thiên	Kiều		21/03/1995	Kinh	995/88/2 Hồng Bàng P.12, Quận 6	TC	CQ	SP MN	Anh B	Tin B		TC	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Sơn Ca	
44	Q5.MN.011	Nguyễn Thị Bích	Hạnh		12/04/1996	Kinh	170B, Bãi Sậy, P.1, Q.6	ĐH	CQ	GDMN	Anh B	Tin A		ĐH	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Sơn Ca	
45	Q5.MN.014	Trần Thị Huyền	Trang		15/04/1984	Kinh	235/95/15B Nam Kỳ Khởi Nghĩa P.7, Q.3	CD	VLVH	GDMN	Anh B	ƯDCB		CD	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Sơn Ca	
46	Q5.MN.018	Vô Lê Vân	Anh		16/04/1995	Kinh	55.Ấp Phú Thạnh, H.Bình Đại, Bến Tre	TC	CQ	SP MN	Anh B	ƯDCB		TC	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Sơn Ca	
47	Q5.MN.024	Nguyễn Thị Mỹ	Linh		25/12/1993	Kinh	83 Thân Nhân Trung, Phường 13, Quận Tân Bình	ĐH	VLVH	GDMN	Anh B1	ƯDCB		ĐH	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Sơn Ca	



STT	Mã số hồ sơ	Họ	Tên	Năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú/ Tạm trú	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Văn bằng cao nhất	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ													
48	Q5.MN.032	Nguyễn Thị Trúc	Ly		04/08/1995	Kinh	Tổ 3, ấp Lão Táo Trung, Trung lập Hạ, Cù Chi	CD	CQ	GDMN	Anh B	Tin A		CD	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Son Ca	
49	Q5.MN.046	Hoàng Thị Hoài	Phuong		11/01/1996	Kinh	Thôn R'Hang Trụ, Phúc Thọ, Lâm Hà, Lâm Đồng	ĐH	CQ	GDMN	Anh B	ƯDCB		ĐH	GV Mầm non Hạng IV	GVMN	Son Ca	
50	Q5.MN.005	Nguyễn Ngọc Mỹ	Tiên		07/10/1994	Kinh	18/6 Huỳnh Tấn Phát, P.Tân Thuận Đông, Q7	CD	CQ	GD Đặc biệt	Anh B	Tin B		CD	GV Mầm non Hạng IV	GV dạy trẻ khuyết tật	Chuyên biệt tương lai	
51	Q5.MN.012	Hồ Thị Ngọc	Trang		12/09/1987	Kinh	Xuân Hòa, An Xuân, Tuy An Phú Yên	ĐH	VLVH	GD Đặc biệt	Anh B	ƯDCB		ĐH	GV Mầm non Hạng IV	GV dạy trẻ khuyết tật	Chuyên biệt tương lai	
52	Q5.MN.029	Bạch Thị Khánh	Linh		26/04/1995	Kinh	Xã Nghi Đức, H.Tánh Linh Bình Thuận	CD	CQ	GD Đặc biệt	Anh B	ƯDCB		CD	GV Mầm non Hạng IV	GV dạy trẻ khuyết tật	Chuyên biệt tương lai	

TRƯỞNG BAN KIỂM TRA



Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 5
Lê Thanh Hải



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 5
Trương Canh Ba